TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG TÈ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HSST
Ngày: 26/11/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG TÈ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Mạnh Trang

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Định; Ông Hoàng Xuân Dũng

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lâm Thị Tuyết, Thư ký Toà án nhân dân huyện Mường tè, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường tè tham gia phiên toà:Ông Nguyễn Thành Luân, kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường tè, tỉnh Lai Châu, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 01/2020/HSST, ngày 01 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Trương Thị H - Tên gọi khác: không; sinh năm: 1983; sinh tại: thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khu phố 11, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Cán bộ Ủy Ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu; Đảng, đoàn: Đảng viên, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số: 07-QĐ-UBKTHU, ngày 02/10/2020 của UBKT Huyện ủy; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Đức H - sinh năm: 1949 (chết tháng 11 năm 2020), Con bà: Chim Thị Th - sinh năm1962. Bị cáo có chồng: Vũ Phương D, sinh năm 1977; Bị cáo có 01 con sinh năm 2005; Tiền án, Tiền sự: không. Bị cáo được áp dụng bện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/06/2020 cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Ủy ban nhân dân thị trấn huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu - Đại diện theo pháp luật là ông: Nguyễn Văn Th - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu – Có mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đao Văn S - sinh năm: 1982; Kế toán Ủy ban nhân dân thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu; Trú tại: Bản Bum, xã Bum Nưa, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu - Có mặt.

2. Ông Vũ Phương D - sinh năm 1977 (là chồng của bị cáo Trương Thị Hường); Trú tại: khu phố 11, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu - Có mặt.

* Người làm chứng:

1. Ông: Vàng Văn M - nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

Trú tại: khu phố 12, thị trấn Mường Tè , huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu - Có mặt

2. Anh: Mào Văn V - Sinh năm 1992

Trú tại: khu phố 12, thị trấn Mường Tè , huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu - Có mặt

3. Chị: Đao Thị Ph - sinh năm: 1991

Trú tại: khu phố 1, thị trấn Mường Tè , huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu - Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện Quyết định số: 33/QĐ-UBND, ngày 10 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Mường Tè, tỉnh Lai Châu, sáng ngày 11 tháng 5 năm 2020, Ông Đao Văn S là Kế toán của Ủy ban nhân dân Thị trấn Mường Tè được giao nhiệm vụ đi rút tiền, bảo quản và cấp phát số tiền 710.250.600 đồng cho các hộ gia đình thuộc diện chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2019 tại khu vực thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Sau khi rút tiền xong, do không có két để cất số tiền rút về, Đao văn S đã đặt vấn đề nhờ Trương Thị H để số tiền trên tại két của Trương Thị H là thủ quỹ của cơ quan, Trương Thị H nhất trí. Do S không biết sử dụng két sắt, nên toàn bộ quá trình mở, đóng két sắt, S đều nhờ H thực hiện. Sau khi S cất tiền vào két sắt, H khóa két sắt lại và giao cho S chìa khóa để S quản lý. Đến khoảng 15 giờ ngày 11/5/2020, S nhờ H mở két sắt, S lấy 04 cọc tiền loại 50.000.000đồng và một số tiền mệnh giá khác đi chi trả tiền cho người dân, số tiền còn lại S để nguyên trong két, S lấy tiền xong, H khóa két sắt lại và giao chìa khóa cho S. Sau khi phát tiền cho người dân, số tiền còn thừa, S nhờ H mở két sắt và để số tiền thừa vào trong két, H mở khóa két giúp S để S cất tiền, sau khi S cất tiền xong, H khóa két lại và đưa chìa khóa cho Sương. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, H thấy mọi người trong cơ quan đã về hết, H nhớ ra trong tủ cá nhân của Hường còn một chìa khóa thứ hai của két sắt, H đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền S để trong két sắt.

Để thực hiện ý định trên, H rút nguồn điện Camera giám sát nơi để két sắt, rồi dùng chìa khóa mở két sắt, lấy 02 cọc tiền loại tiền 500.000 đồng, mỗi cọc là 50.000.000đồng, tổng số 02 cọc là 100.000.000đồng, lấy được tiền, H khóa két sắt lại như cũ, rồi đi về nhà, trên đường về, H gặp Mào Văn V - sinh năm: 1992; trú tại khu phố 12, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu là nhân viên làm việc tại thế giới di động huyện Mường Tè, H nhờ V chuyển hộ số tiền trên vào tài khoản 9704229272066090, ngân hàng MB quân đội, đây là số tài khoản của anh Vũ Phương D (chồng của H), sau đó H đi về nhà ăn cơm, ăn cơm xong, H tiếp tục lên phòng làm việc dùng chìa khóa két sắt lấy thêm 75.000.000đồng (bẩy mươi năm triệu đồng) trong két, để S không phát hiện, H đã lấy một số tiền 20.000đồng có sẵn trong két cho vào giữa hai cọc tiền 500.000 đồng mà H đã rút ra. Lấy được tiền, H cất giấu vào tủ cá nhân của mình tại cơ quan, khóa cửa két sắt đi về nhà. Đến khoảng hơn 7 giờ sáng ngày 12/5/2020, H đến cơ quan cắm lại Camera, một lúc sau S đến làm việc và nhờ H mở két sắt lấy tiền đi chi trả nốt tiền cho nhân dân, trong lúc mở két sắt hộ S, H đã bỏ chiếc chìa khóa của H đang giữ vào trong két, đợi S lấy tiền xong, H lại khóa két cho S và đưa chìa khóa cho S. Đến hơn 9 giờ cùng ngày có Đao Thị Ph - sinh năm: 1991 đến xin dấu tại UBND thị trấn Mường Tè, H đã lấy số tiền 75.000.000đồng trộm cắp được và cho thêm vào đó 5.000.000đồng tiền của H, tổng cộng là 80.000.000đồng, nhờ Đao Thị Ph chuyển vào tài khoản của Vũ Phương D (chồng của H) qua số điện thoại 0988406460. Đối với Đao Văn S, quá trình phát tiền cho người dân, S phát hiện 02 cọc tiền 500.000đồng bị chèn vào giữa loại tiền 20.000đồng nên bị thiếu và thiếu 02 cọc tiền 500.000 đồng (tổng 100.000.000đ). Do vậy, S đã dừng phát tiền cho nhân dân và báo cáo cơ quan, đồng thời báo cáo vụ việc đến cơ quan Công an huyện. Qua xác minh đến 16 giờ ngày 12/5/2020 Công an huyện đã triệu tập Trương Thị H đến làm việc, tại cơ quan Điều tra, Trương Thị H đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như trên.

Tại Cáo trạng số: 56/CT-VKS -MT, ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè đã truy tố bị cáo Trương Thị Hường về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Thị H phạm tội *"Trộm cắp tài sản*".

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s, điểm t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo Trương Thị H từ 02 năm tù đến 02 năm 6 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 4 năm đến 5 năm, giao bị cáo cho UBND thị trấn quản lý, giám sát, giáo dục. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 BLHS đối với bị cáo. Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Trương Thị H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; bị cáo nhất trí luận tội và đề nghị của kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận và không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn Th - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn là người Đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, tại phiên tòa khai, Ủy ban nhân dân thị trấn Mường Tè đã nhận lại toàn bộ số tiền do H trộm cắp, không có yêu cầu gì thêm, có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo có cơ hội sửa chữa, tự cải tạo mình.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Vũ Phương D (chồng của H) là người đã được H chuyển số tiền trộm cắp được vào tài khoản của D, nhưng D không biết đây là tiền H trộm cắp, nên không xử lý trách nhiệm đối với D là phù hợp quy định pháp luật. Đối với anh Đao Văn S là kế toán, được Ủy ban nhân dân thị trấn Mường Tè phân công rút, quản lý, chi trả số tiền rừng cho các hộ dân tại thị trấn, quá trình điều tra S đã cùng chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Mường Tè, nhận lại số tiền bị mất và thực hiện việc chi trả đầy đủ tiền cho các hộ dân, tại phiên tòa không có yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu và Điều tra viên, Kiểm sát viên được phân công điều tra, truy tố trong quá trình thực hiện đã tuân thủ đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng trong vụ án đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Vào khoảng 18 giờ 20 phút ngày 11/5/2020, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Mường Tè, Trương Thị H là công chức văn phòng của Ủy ban nhân dân thị trấn Mường Tè, đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 175.000.000đồng (một trăm bảy năm triệu đồng) của Ủy ban nhân dân thị trấn Mường Tè, đây là tiền do anh Đao Văn S được Ủy ban nhân dân thị trấn Mường Tè giao cho để chi trả cho các hộ dân tại thị trấn Mường Tè thuộc diện hưởng dịch vụ môi trường rừng. Sau khi trộm cắp được

tiền, H đã nhờ Đao Thị Ph và Mào Văn V chuyển vào tài khoản của chồng là Vũ Phương D với mục đích nhằm chiếm đoạt số tiền trên.

Như vậy, hành vi của Trương Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản"* theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS. Do vậy, Cáo trạng số: 56/CT-VKS-MT, ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè truy tố đối với bị cáo Trương Thị H về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS quy định. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì phạt tù từ 2 năm đến 7 năm, điểm c: " *chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000đồng đến dưới 200.000.000đồng*".

[3] Về tính chất, mức độ, nguyên nhân, động cơ, mục đích thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng do lòng tham, nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, quyền sở hữu tài sản của người khác là bất khả xâm phạm và được pháp luật hình sự bảo vệ, bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình đã thực hiện.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân, bị cáo Trương Thị H có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, trước khi bị bắt bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Trong quá trình điều tra bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra tố giác hành vi phạm tội của Hoàng Anh T về hành vi *" cưỡng đoạt tài sản"*, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần phải xem xét áp dụng cho bị cáo; bị cáo có Bố là Ông Trương Đức H được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba năm 1984, hạng nhì năm 1995, Huân chương chiến công hạng nhì năm 1971, hạng nhất năm 1991, Huân chương chiến công giải phóng hạng nhì năm 1973, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhì năm 1982, hạng ba năm 1982, hạng nhất năm 1986, Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng nhì năm 1973, hạng ba năm 1971 và có Mẹ là Chim Thị Th được tặng Huy chương chống mỹ cứu nước hạng nhì năm 1985; Đại diện bị hại có ý kiến xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng pháp luật, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 BLHS cần áp dụng cho bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ

ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, gia đình bị cáo có Bố, Mẹ đều có công với cách mạng, tài sản bị cáo trộm cắp đã thu hồi lại toàn bộ và chi trả đầy đủ kịp thời cho nhân dân, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội tự cải tạo, rèn luyện mình trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai bị cáo tại phiên tòa, thấy rằng bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, hiện nay đang nuôi con nhỏ đang ăn hoc, Hội đồng xét xử miễn không áp hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí. Buộc bị cáo Trương Thị H phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Từ những phân tích, đánh giá trên, xét thấy ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ cần phải chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 BLHS; Điều 331, Điều 333; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí.

1. Tuyên bố bị cáo Trương Thị H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Xử phạt bị cáo Trương Thị Hường 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trương thị H cho Ủy ban nhân dân thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu quản lý, giám sát, giáo dục.

Trường hợp bị cáo Trương Thị H thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Bị cáo Trương Thị H phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt bị cáo, có mặt bị hại, có mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu để xem xét theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- Thi hành án hình sự;
- VKSND huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)
Đỗ Mạnh Trang